| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6- HƯNG YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày: 17-9-2025.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhẫn - Hiệu trưởng Trường mầm non Thanh Tân, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Bùi Văn Trang - Cán bộ phụ trách tư pháp xã Bình Định, tỉnh Hưng Yên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/HS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HS ngày 04/9/2025, đối với:

1. Bị cáo Phạm Minh B, sinh ngày 01/3/2005; giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn D và con bà Vũ Thị C; chưa có vợ. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam theo Lệnh bắt để tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại phân tại tạm giam T, Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Cháu Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 11/12/2011, có mặt

Người đại diện hợp pháp của cháu Vũ Thị Ngọc T: Anh Vũ Văn N sinh năm 1985 và chị Lê Thị T1 sinh năm 1985; Đều cư trú tại: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Vũ Thị Ngọc T: Bà Nguyễn Thị Bích T2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T4 - Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị L, sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Chị Phạm Thúy P, sinh năm 2002; Nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

4.2. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989; Nơi cư trú: thôn H, xã N, vắng mặt.

4.3. Chị Vũ Thị C, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

4.4. Đại diện Trường THCS N1, xã N, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

4.5. Đại diện Đoàn thanh niên cộng sản H Trường THCS N1, xã N, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2024, bị cáo B sử dụng tài khoản Facebook "Minh Ban" để nhắn tin, làm quen với cháu Vũ Thị Ngọc T, sinh ngày 11/12/2011 sử dụng tài khoản Facebook có tên "Vũ Thị Ngọc T". Bị cáo B biết cháu T sinh ngày 11/12/2011 (là người dưới 16 tuổi) và đang học lớp 8 tại Trường tiểu học N1, xã N, tỉnh Hưng Yên, sau đó cháu T và bị cáo B nảy sinh tình cảm yêu nhau, bị cáo B đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu T 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng một ngày đầu tháng 4/2025, bị cáo B nhắn tin rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B-27462 đến nhà cháu T chở cháu T đi chơi. Trên đường đi bị cáo rủ cháu T về nhà bị cáo chơi thì cháu T đồng ý. Tại nhà bị cáo, cháu T ngồi ở phòng khách, bị cáo dắt xe máy vào trong phòng khách và khóa cổng, khóa cửa phòng khách. Bị cáo và cháu T đi vào phòng ngủ của bị cáo. Tại đây bị cáo và cháu T nằm ôm hôn nhau trên giường rồi bị cáo kéo quần áo của cháu T xuống dưới chân và tự cởi quần áo của mình, bị cáo B dùng tay sờ lên vú cháu T, sau đó bị cáo đã đưa dương vật của mình cho vào âm đạo của cháu T để thực hiện hành vi quan hệ tình dục.

Lần 2: Khoảng 13 giờ một ngày giữa tháng 4/2025, bị cáo B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B-27462 đến nhà cháu T rủ cháu T đi uống nước. Trên đường đi bị cáo vào cửa hàng T5 ơ xã N mua 01 hộp bao cao su giá 200.000đồng

và cả hai đến uống nước tại quán C1 ơ thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên. Tại đây bị cáo và cháu T tiếp tục thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau.

Lần 3: Khoảng 14 giờ 15 phút một ngày tháng 4/2025 (cách lần thứ hai khoảng 4- 5 ngày), bị cáo B tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B-27462 chở cháu T đến uống nước tại quán C1 ơ H, tỉnh Hưng Yên uống nước. Sau khi uống nước bị cáo rủ cháu T về nhà bị cáo để quan hệ tình dục. Tại đây bị cáo và cháu T tiếp tục thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau.

Lần 4: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/4/2025, cháu T nhắn tin rủ bị cáo đi chơi. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B-27462 đến nhà chở cháu T rồi rủ cháu T về nhà bị cáo. Tại đây bị cáo và cháu T tiếp tục thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau.

- Kết luận giám định số 03 ngày 28/5/2025 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở y tế tỉnh T, kết luận: Tại thời điểm giám định màng trinh của cháu Vũ Thị Ngọc T giãn rộng, không phù nề, không xây xát, rách cũ vị trí 9h - 3h; trong dịch âm đạo của cháu Vũ Thị Ngọc T không thấy hình ảnh tinh trùng, xác tinh trùng; xét nghiệm HIV âm tính, bộ phận sinh dục không tổn thương.

*Vật chứng của vụ* án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc đã qua sử dụng của cháu Vũ Thị Ngọc T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu vàng đã qua sử dụng và 01 ga đệm họa tiết hoa hồng đỏ của Phạm Minh B, 02 ghế màu nâu, mặt ghế bọc nỉ xám của chị Đào Thị L được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên để quản lý theo quy định.

Cáo trạng số 17/CT-VKSKV6 ngày 31/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6- Hưng Yên truy tố bị cáo Phạm Minh B về tội: "Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hưng Yên giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh B phạm tội “Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Minh B mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2025.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại điện thoại di động Iphne 6 cho bị cáo, trả lại điện thoại di động Iphone 11 cho bị hại. Trả lại 02 ghế màu nâu, mặt ghế bọc nỉ xám cho chị L. Tịch thu tiêu hủy 01 ga đệm họa tiết hoa hồng đỏ.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên đã truy tố và không tranh luận gì.

Tại phiên tòa, bị cáo khai do nhận thức pháp luật hạn chế và do có tình cảm thực sự với bị hại nên đã có quan hệ tình dục với bị hại.

Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K nay là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh hưng Y và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và lời khai của anh Vũ Văn N sinh năm 1985 trú thôn N xã N, tỉnh Hưng Yên (là bố đẻ của cháu Vũ Thị Ngọc T); Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu và dữ liệu điện tử do Công an tỉnh H lập; Bản kết luận giám định số 03 ngày 28/5/2025 của Trung tâm G sở Y; Lời khai của người bị hại là cháu Vũ Thị Ngọc T sinh ngày 11/12/2011 trú thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên; Lời khai của những người làm chứng là Phạm Thúy P sinh năm 2002 thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Văn T3 sinh năm 1089 thôn H, xã N; Đào Thị L sinh năm 1997 thôn H, xã H, tỉnh Hưng Yên; Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị C sinh năm 1982 trú tại thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 10/2024, bị cáo Phạm Minh B là người đã thành niên quen biết cháu Vũ Thị Ngọc T và biết cháu T sinh ngày 11/12/2011 là người dưới 16 tuổi. Sau khi nảy sinh tình cảm, yêu nhau, bị cáo B đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu T 04 lần tại phòng ngủ của Phạm Minh B ở thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên và tại quán C1 ơ thôn Đ, xã H, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo B là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị hại cháu Vũ Thị Ngọc T mới trên 13 tuổi và chưa đủ 16 tuổi, mặc dù việc giao cấu giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, có sự đồng tình của hai người do hai người yêu nhau, tuy nhiên bị hại là đối tượng mà pháp luật buộc phải bảo vệ. Do đó, bị cáo Phạm Minh B đã phạm tội "Giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 145 Bộ luật hình sự: Tội "Giao cấu thực hiện hành vi tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định:

*" 1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:*

*a) phạm tội 02 lần* trở *lên;*

*.....*

*5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm* đến 05 năm".

[4] Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: bị cáo có đầy đủ nhận thức để biết việc quan hệ tình dục với người chưa thành niên là vi phạm pháp luật nhưng vì dục vọng thấp hèn mà đã cố ý thực hiện hành vi xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bị hại. Bị cáo đã giao cấu với bị hại mà bị cáo biết rõ tuổi của bị hại thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của bị hại.. Hành vi của bị cáo không những ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh và ảnh hưởng xấu đến tâm sinh lý của trẻ em mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho cuộc sống gia đình cua rnhieeuf người daanlao động khi có con gái nhỏ. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành

vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo B không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị **cáo** và phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với **bị** cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường các khoản chi phí cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc là tài sản hợp pháp của cháu T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu vàng tài sản hợp pháp của bị cáo và 02 ghế màu nâu, mặt ghế bọc nỉ xám là tài sản hợp pháp của chị L cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 ga đệm họa tiết hoa hồng đỏ của bị cáo không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh B phạm tội "Giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Minh B 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2025.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6, mặt sau màu trắng bạc, số seri DNVNPTN5G5MC, số IMEI 35444506472, đã qua sử dụng.

3.2. Trả lại cháu Vũ Thị Ngọc T 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro, mặt sau màu vàng, số seri F17EJ89TN6XV, số IMEI 353249012009681, đã qua sử dụng.

3.3. Trả lại chị Đào Thị L 02 ghế khung gỗ màu nâu, mặt ghế bọc nỉ xám.

3.4. Tịch thu tiêu hủy 01 ga đệm họa tiết hoa hồng đỏ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6- Hưng Yên)

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Minh B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án- chị Đào Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
-VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- CQĐT CA tỉnh Hưng Yên;
- CQTHAHS CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THADS tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Xuân**